

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 23/4/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cung Trần Lương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chanh
2. Bà Sùng Thị Máy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mà Thị Th, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị đơn: Dùm Văn L, sinh năm 1995, địa chỉ: thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lí do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lù Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt không có lí do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mà Thị Th trình bày:

Chị và anh Dùm Văn L về chung sống với nhau từ năm 2013 đến 14/12/2015 anh chị đăng kí kết hôn tại UBND xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang. Anh chị kết hôn do hai bên gia đình sắp xếp, sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sinh hoạt bình thường, đến khoảng năm 2017 -2018 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh

L ghen tuông vô cớ nên thường xuyên uống rượu về gây sự đánh đập chị. Đến năm 2019 chị và 02 con ra sống riêng tại thôn Ch, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang cho đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay cũng không còn chăm sóc hay liên lạc gì với nhau, chị nghe nói anh đã chung sống với người phụ nữ khác, chị không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này. Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dũng Văn L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu thứ nhất là cháu Mà Thị B, sinh ngày 15/12/2015 và cháu thứ hai là Mà Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2019, cả hai con hiện nay đều đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Th khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2024 cháu Mà Thị B trình bày:

Cháu là con ruột của mẹ Th, bố L. Quá trình chung sống bố và mẹ thường xuyên xảy ra cãi vã, bố thường xuyên vắng nhà không quan tâm thăm hỏi đến các cháu. Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn được sinh sống với mẹ vì mẹ yêu Th, quan tâm, chăm sóc các cháu nhiều hơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2023 bà Lù Thị H trình bày:

Theo phong tục của dân tộc Lô Lô thì gia đình đi hỏi con rể, sau khi chị Th nhất trí lấy anh L thì gia đình mới chuẩn bị sính lễ rước rể và tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th, anh L vẫn chung sống H phúc, đến khi chị Th sinh con thứ 2 thì vợ chồng mới thường xuyên xảy ra mâu thuẫn có hai lần anh L đánh chị Th, sau đó vợ chồng sống ly thân, anh L thường đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa chị Mà Thị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Dũng Văn L. Hiện nay chị và anh L đã không còn tình cảm gì với nhau, đến nay chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L; về con chung chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai cháu Mà Thị B và cháu Mà Thảo Nh cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung; về công nợ chung và tài sản chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang trình bày:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định tại BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Mà Thị Th đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

Bị đơn anh Dũng Văn L không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho cơ quan Tòa án để làm rõ những tình tiết khách quan trong vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh L trốn tránh không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án do đó dẫn đến vụ án phải kéo dài.

Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Xét thấy việc chị Mà Thị Th có đơn xin ly hôn với anh Dũng Văn L là do anh L thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, không quan tâm, chăm sóc, góp sức cùng vợ vun vén gia đình. Như vậy, theo đơn khởi kiện cùng những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mà Thị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Dũng Văn L.

Về con chung: Anh L và chị Th có 02 con chung là cháu Mà Thị B, sinh ngày 15/12/2015 và cháu thứ hai là Mà Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2019. Xét thấy, anh L không có công việc, thu nhập ổn định; chị Th đang làm giáo viên tại trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang có thu nhập ổn định, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung của chị Th là đủ điều kiện. Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy không đề cập xem xét.

Tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Th phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Mà Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bị đơn anh Dũng Văn L có địa chỉ tại thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang, nên vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Dũng Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Dũng Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mà Thị Th và anh Dũng Văn L có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy chị Th và anh L có thời gian chung sống không dài, sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nguyên nhân là do anh L ghen tuông nên thường uống rượu về đánh đập vợ, không quan tâm đến con cái. Năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, hỏi thăm lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không hợp tác, thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Th để tiếp tục xây dựng lại gia đình. Qua đó cho thấy anh L và chị Th đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Mà Thị Th và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, cho chị Th được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Anh L và chị Th có 02 con chung là cháu Mà Thị B, sinh ngày 15/12/2015 và cháu thứ hai là Mà Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2019. Xét thấy, anh L thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến con cái do vậy, việc giao các cháu Mà Thị B và Mà Thảo Nh cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo; chị Th đang công tác tại trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang, có thu nhập ổn định, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ngọc và cháu Nh của chị Th là đủ điều kiện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do vậy, yêu cầu của chị Th và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu mà Thị B và Mà Thảo Nh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Anh L có quyền được đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mà Thị Th đối với anh Dũng Văn L. Cho chị Mà Thị Th được ly hôn với anh Dũng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Mà Thị B, sinh ngày 15/12/2015 và cháu thứ hai là Mà Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Mà Thị Th chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mà Thị Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0006221 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Củng Trần Lương